

Bản án số: 210/2024/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.
Ông Lê Quang Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1986; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số A đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Lan A, sinh năm 1988; Có mặt.

Địa chỉ: Số A đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Minh L, sinh năm 1972 và bà Châu Thị Mỹ T1, sinh năm 1973; Đều có mặt.

HKTT: Số A đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số D - căn 1 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà T1: Luật sư Phạm Văn C – Văn phòng luật sư Phạm Văn C, Đoàn luật sư tỉnh K. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1986; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số A đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:**

Ông Nguyễn Thành T có cho ông Võ Minh L và bà Châu Thị Mỹ T1 vay tiền nhiều lần từ năm 2020 đến ngày 19/01/2023 với tổng số tiền gốc là 600.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Đến ngày 20/01/2022, ông T với ông L cộng vốn gốc lại và lập thành biên nhận 500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Ngày 19/01/2023 ông L tiếp tục vay 100.000.000 đồng, có ký biên nhận nợ, lãi suất là 3%/tháng.

Từ ngày vay đến ngày ông T khởi kiện, ông L đóng được 15.000.000 đồng tiền lãi.

Ông T đã yêu cầu ông L, bà T1 trả nợ nhiều lần, nhưng ông L cứ hẹn mà không thanh toán. Sau đó ông T đến nhà ông L để đòi nợ thì bà T1 hứa trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng ông T không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Lan A yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Võ Minh L và bà Châu Thị Mỹ T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thành T tổng số tiền gốc là 600.000.000 đồng; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm, yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm trên số tiền vốn gốc từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ông T đồng ý cản trừ số tiền lãi 15.000.000 đồng mà ông L đã trả).

*** Bị đơn ông Võ Minh L trình bày:**

Ông L quen biết ông T, thông qua người khác giới thiệu ông L mượn tiền của ông T. Vào tháng 7, tháng 8 năm 2019 ông L bắt đầu mượn tiền của ông T, lần đầu tiên mượn số tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi đóng theo ngày (tiền lãi là 100.000 đồng/ngày), khi mượn tiền và đóng lãi giữa hai bên không có làm biên nhận. Sau đó, mượn tiền của ông T thêm nhiều lần, đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2020 thì số tiền gốc ông L mượn của ông T là 130.000.000 đồng, hai bên cũng không làm biên nhận, lãi suất đóng theo ngày (tiền lãi là 650.000 đồng/ngày), ông L đóng được khoảng 02 tháng thì không có khả năng đóng nữa nên xin ông T chuyển qua tính lãi

suất theo tháng (tiền lãi là 7.800.000 đồng/tháng), đóng lãi đến khoảng cuối năm 2021, nhưng đóng lãi không đầy đủ, lúc đó do dịch bệnh nên ông L mượn thêm số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Khi đó do ông L có nợ tiền lãi của ông T nên sau khi tính toán lại thì ông T xác định ông L nợ số tiền gốc là 300.000.000 đồng, chỉ nói miệng, hai bên không có làm biên nhận, thỏa thuận đóng lãi là 18.000.000 đồng/tháng. Khi ông T đưa tiền cho ông L mượn và khi đóng lãi thì hai bên đưa tiền trực tiếp, không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến.

Đến cuối năm 2022, do có nợ lãi và kẹt tiền làm ăn nên khoảng tháng 12/ 2022 ông L mượn thêm ông T số tiền gốc 15.000.000 đồng, khi đó ông T tính lãi đối với số tiền gốc và lãi ông L đã thiếu, gộp chung lại với nhau, ông T làm biên nhận xác định ông L nợ số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, hai bên làm giấy mượn tiền ngày 20/01/2022, ông L ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền nêu trên, khi ký giấy mượn tiền thì chỉ có ông L và ông T, không có người khác chứng kiến, do ông T đòi lại nhà để nói cho người nhà ông L biết việc ông L mượn tiền, ông L sợ người nhà biết nên ông mới ký tên vào giấy mượn tiền. Ông L không có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ ông T, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Nội dung: “Tôi L có nhận 100.000.000 đồng từ 11-2022 19/1/2023”, do ông L nợ tiền lãi, nên ông T yêu cầu ông L phải ký vào biên nhận là ông L có nhận số tiền 100.000.000 đồng, thực tế ông L không có nhận số tiền này, không có ai chứng kiến sự việc nêu trên.

Tổng số tiền lãi ông L đã đóng cho ông T là bao nhiêu thì ông L không nhớ, và không có làm biên nhận với nhau.

Ông L và bà Châu Thị Mỹ T1 hiện nay vẫn là vợ chồng hợp pháp, khi mượn tiền của ông T thì ông L không cho bà T1 biết. Mục đích ông L vay tiền là để làm ăn phục vụ sinh hoạt hằng ngày, trả lương cho công nhân.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L đồng ý cùng bà Châu Thị Mỹ T1 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền gốc là 165.000.000 đồng, và đồng ý trả lãi suất theo quy định pháp luật. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông L xin trả dần số tiền gốc 165.000.000 đồng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

*** Bị đơn bà Châu Thị Mỹ T1 trình bày:**

Việc ông T cho ông L mượn tiền thì bà T1 không biết, cho đến khi vợ chồng ông T đến nhà thì bà T1 mới biết. Bà T1 có nói với ông T là sao cho ông L mượn tiền mà không cho bà T1 biết. Bà T1 có nói với vợ chồng ông T là để nói với con cho tiền ông L để trả cho ông T mỗi tháng 5.000.000 đồng.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1.

Buộc ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền gốc và lãi là 713.705.000 đồng (bảy trăm mười ba triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 27/5/2024, bị đơn ông Võ Minh L kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, ông L yêu cầu chỉ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 165.000.000 đồng.

* Ngày 27/5/2024, bị đơn bà Châu Thị Mỹ T1 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, bà T1 không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng ông L trả nợ cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Võ Minh L yêu cầu chỉ trả cho nguyên đơn ông T số tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Châu Thị Mỹ T1 yêu cầu không đồng ý chịu trách nhiệm cùng ông L trả nợ cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1 yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông L, bà T1.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông **Võ Minh L**, bà **Châu Thị Mỹ T1**. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông **Võ Minh L**: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, ông **L** yêu cầu chỉ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông **L** thừa nhận có vay tiền của ông **T** nhiều lần bắt đầu từ năm 2019 và đã trả lãi nhưng không có làm biên nhận. Tại giấy mượn tiền ngày 20/01/2022 thể hiện ông **T** cho ông **L** mượn số tiền 500.000.000 đồng nhưng không ghi lãi suất bao nhiêu và mặt sau của giấy mượn tiền thể hiện đến ngày 19/01/2023 ông **L** có nhận thêm của ông **T** 100.000.000 đồng và có chữ ký, chữ viết của ông **L**.

Ông **T** cho rằng ông **T** tính lãi suất 3%/tháng và đã nhận lãi được số tiền 15.000.000 đồng. Ông **L** thì cho rằng ban đầu vay tính lãi suất ngày, sau đó ông **L** không có khả năng trả lãi ngày thì hai bên thỏa thuận chuyển sang tính lãi tháng và có chốt lại số tiền vay và lãi cộng dồn là 600.000.000 đồng, nhưng ông **L** không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc ông đã đóng lãi cho ông **T** là 6% để làm cơ sở xem xét kháng cáo của ông **L**. Đối chiếu quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông **Võ Minh L** đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 113.705.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà **Châu Thị Mỹ T1**: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, bà **T1** không đồng ý chịu trách nhiệm cùng ông **L** trả nợ cho nguyên đơn ông **Nguyễn Thành T**.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn bà **Châu Thị Mỹ T1** không đồng ý chịu trách nhiệm cùng ông **L** trả nợ cho nguyên đơn ông **Nguyễn Thành T** vì cho rằng việc ông **L** vay tiền thì bà không hay biết

và ông L dùng tiền vay để chi trả tiền công thợ xây dựng vì ông L là thầu xây dựng, không sử dụng vào mục đích gia đình là không phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng xác định ông vay tiền để làm ăn phục vụ sinh hoạt hằng ngày, trả lương cho công nhân; đồng thời, tại bản tự khai của bà T1 xác định ông T cho ông L mượn tiền ban đầu bà T1 không biết nhưng khi ông T đến nhà đòi nợ, bà T1 cũng không phản đối số nợ do ông L vay và đồng ý vận động các con cùng trả nợ. Bà T1 và ông L xác định thời điểm năm 2019 đến nay cả 2 là vợ chồng hợp pháp. Do đó, cấp sơ thẩm xác định việc ông L vay tiền, bà T1 vẫn phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ Minh L và bà Châu Thị Mỹ T1, giữ nguyên bản dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch số tiền là 32.548.200 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm đồng).

H lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.885.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004980 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004713 và 0004714 cùng ngày 30/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng khoản 2, Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1.

2. Buộc ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền nợ vay vốn gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 113.705.000 đồng, tổng cộng là 713.705.000 đồng (Bảy trăm mười ba triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch số tiền là 32.548.200 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm đồng).

H lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.885.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004980 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn ông Võ Minh L, bà Châu Thị Mỹ T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004713 và 0004714 cùng ngày 30/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND Tp Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp Rạch Giá;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo